

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS - ST
Ngày: 24/7/2020
V/v tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Minh Tân**

2. Bà **Nguyễn Thị Thùy Liễu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Xuân**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Đức** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2020/TLST - DS ngày 28/02/2020 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST- DS ngày 29/05/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST - DS ngày 16/6/2020 ; Quyết định hoãn phiên tòa số 28A/2020/QĐST - DS ngày 02/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần SGT (gọi tắt là NH).

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, 266 - 268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đức D - Phó Giám đốc phụ trách trung tâm thẻ S; ông Lê Nguyễn Khoa Ng – Phó giám đốc trung tâm thẻ (Theo Quyết định số 3892/2018/GUQ - PL ngày 03/12/2018).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Đức D: Ông Nguyễn Chí T - Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Chi nhánh H (Theo giấy ủy quyền số 1333/2019/UQ – TTT ngày 12/8/2019). (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lưu Bá Th, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 12/78 Lê Viết Q, khu 15, phường Ng, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, theo lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vụ án có nội dung như sau:

Ngày 18/5/2012, anh Lưu Bá Th có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của NH (gọi chung là hợp đồng)). Căn cứ vào thu nhập của anh Th, NH đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 472074 - 0641 với hạn mức sử dụng là 12.000.000đ cho anh Th, mục đích anh Th vay tiêu dùng cá nhân. Việc ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 12.000.000đ thì anh Th được sử dụng trong hạn mức 12.000.000đ (không được sử dụng hơn 12.000.000đ), cụ thể sau khi giao dịch 12.000.000đ sau đó anh Th thanh toán một phần hoặc thanh toán hết 12.000.000đ thì anh Th có thể sử dụng lại ngay lập tức số tiền đã thanh toán, tối đa 12.000.000đ. Nếu vượt trên hạn mức 12.000.000đ thì anh Th sẽ bị phạt phí vượt hạn mức theo quy định biểu phí.

Về lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn là 2.15%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Căn cứ Điều 22 tại Bảng Điều khoản và điều kiện thì lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh (căn cứ sao kê hàng tháng) theo từng ngày và theo lãi suất NH áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (đính kèm thông tin trong sao kê tóm tắt). Mức lãi suất được áp dụng theo Thông báo về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank số 113/TB – TTT ngày 04/7/2011. Căn cứ vào Điều 23 tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT thì lãi suất quá hạn là 150% lãi suất tại thời điểm áp dụng trên toàn bộ dư nợ của khách hàng, nhưng để giảm bớt một phần lãi phát sinh cho anh Th nên trong đơn khởi kiện NH chỉ tính lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc. Bên cạnh chịu lãi suất theo quy định thì khách hàng còn phải chịu các khoản phí : phí chậm thanh toán, phí rút tiền mặt, phí vượt hạn mức, phí dịch vụ đặc biệt, phí thường niên, phí thay thẻ, phí cấp lại mật khẩu, phí chuyển đổi ngoại tệ,... theo biểu phí quy định.

Sau khi cấp thẻ tín dụng anh Th đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 109,325,387đ. Anh Th cũng đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 124,960,000đ (Khi thẻ chưa quá hạn, anh Th thanh toán NH trừ vào phí lãi trước, sau đó mới trừ vào giao dịch). Từ ngày 11/7/2017 đến nay, anh Th không trả nợ NH, NH nhiều lần có công văn yêu cầu anh Th trả nợ nhưng anh Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NH.

Tính đến ngày 05/8/2019, anh Th còn nợ lại NH nợ gốc **8.008.328đ** và tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 05/8/2019 là **5.449.497đ**. Tổng số tiền anh Th còn nợ ngân hàng tạm tính đến ngày 05/8/2019 là **13.457.825đ**. Ngày 21/7/2020, anh Thành đã trả cho NH **5.000.000đ** tiền nợ gốc. Đến nay quan điểm của NH đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Th phải trả cho NH số tiền nợ gốc còn lại **3.008.328đ** và tiền lãi quá hạn tính đến ngày Tòa án xét xử 24/7/2020 với số tiền là: **8.480.955đ**. Tổng số tiền bao gồm cả gốc và lãi quá hạn là: **11.489.283đ**, anh Th phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo ngày Tòa án xét xử cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

NH xác định trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng có ghi thông tin tham chiếu là vợ anh Th chị Lê V nhưng chị Lê V không phải chịu trách nhiệm cùng anh Th trả nợ thẻ này, ngân hàng cũng không yêu cầu chị Lê V phải trả tiền.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Th đến Tòa án để tham gia tố tụng, trình bày quan điểm về việc NH khởi kiện nhưng anh Th không có mặt. Tòa án đã xuống gia đình anh Th tại địa chỉ số 12/78 Lê Viết Q, khu 15, phường N, thành phố H để lấy lời khai của anh Th nhưng anh Th đi làm không có nhà. Chị Lê V là vợ anh Lưu Bá Th xác định chị cùng anh Th và các con hiện đang sinh sống tại địa chỉ nêu trên. Anh Th sáng đi làm đến tối về nhà, việc Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT khởi kiện yêu cầu anh Th trả nợ khoản tiền vay anh Th cũng biết nhưng do công việc bận anh Th không đến Tòa án tham gia tố tụng được. Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập anh Th đến Tòa tham gia tố tụng cho chị V, chị V cam kết giao tận tay anh Th nhưng anh Th vẫn không có mặt tại Tòa án. Đến ngày 30/6/2020, anh Th đến Tòa án nộp đơn trình bày và đề nghị xin hoãn phiên tòa ngày 02/7/2020. Trong đơn trình bày anh Th trình bày có vay tiền của Ngân hàng TMCP SGTT dưới hình thức thẻ tín dụng hạn mức sử dụng 12.000.000đ. Quá trình sử dụng thẻ anh đã nhiều lần rút tiền và nhiều lần trả tiền cho NH vào tài khoản. Anh Th xác định tính đến ngày 30/6/2020 anh còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 8.008.328đ và tiền lãi quá hạn, anh sẽ trả ngân hàng khoản tiền trên vào đầu tháng 7 năm 2020 và xin hoãn phiên tòa ngày 02/7/2020 để thu xếp tiền trả cho ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác đã giao nộp cho Tòa án và xác định tính đến ngày Tòa án xét xử anh Th đã trả cho NH số tiền nợ gốc là 5.000.000đ. Quan điểm của NH đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Th phải trả cho NH số tiền nợ gốc còn lại **3.008.328đ** và tiền lãi quá

hạn tính đến ngày Tòa án xét xử 24/7/2020 với số tiền là: **8.480.955đ**. Tổng số tiền bao gồm cả gốc và lãi là: **11.489.283đ**, anh Th phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo ngày Tòa án xét xử cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn anh Lưu Bá Th vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX), nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Lưu Bá Th chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 116, 117, 275, 280, 357, 463, 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Quyết định 1627 ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT. Buộc anh Lưu Bá Th phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT số tiền nợ gốc, lãi còn lại tính đến ngày xét xử là **11.489.283đ (trong đó nợ gốc: 3.008.328đ; nợ lãi quá là: 8.480.955đ**. Anh Th còn phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa án xét xử cho đến khi trả hết nợ gốc theo lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng. Về án phí: Anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đối với anh Th theo quy định pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa anh Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ thẻ tín dụng, theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì giữa NH và anh Lưu Bá Th đã xác lập quan hệ tín dụng vay tài sản. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng.

Hiện nay bị đơn anh Lưu Bá Th đang sinh sống tại địa chỉ số 12/78, Lê Viết Q, phường Ng, thành phố Hải Dương nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc và lãi quá hạn của nguyên đơn:

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng ngày 18/5/2012 của anh Lưu Bá Th; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT (đơn vị phát hành thẻ); Bảng tóm tắt sao kê đối với số thẻ 472074 – 0641, hạn mức tín dụng 12.000.000đ, chủ thẻ anh Lưu Bá Th và lời trình bày của anh Lưu Bá Th có đủ cơ sở xác định Ngân hàng TMCP SGTT có cho anh Lưu Bá Th vay tiền qua hình thức hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng hạn mức 12.000.000đ, anh Th nhiều lần rút tiền và nộp tiền theo như tóm tắt sao kê NH cung cấp cho Tòa án. Tính đến ngày 10/11/2017 anh Th còn nợ lại ngân hàng số tiền nợ gốc là **8.008.328đ**. Do anh Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên NH đã tính lãi quá hạn trên số nợ gốc trên kể từ ngày 11/11/2017. Từ ngày 11/11/2017 đến nay anh Th mới trả cho NH **5.000.000đ (nợ gốc)**. Nay NH yêu cầu yêu cầu anh Th phải trả số nợ gốc, lãi quá hạn tính đến hết ngày 24/7/2020 là: **11.489.283đ** (trong đó nợ gốc là: **3.008.328đ**; nợ lãi quá hạn là: **8.480.955đ**), anh Th phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo ngày Tòa án xét xử cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT.

Xét thấy việc anh Th vay tiền của Ngân hàng TMCP SGTT đã được anh Th thừa nhận tại Đơn trình bày và đề nghị ngày 30/6/2020, anh Th xin hoãn phiên tòa ngày 02/7/2020 để thu xếp tiền trả NH, tuy nhiên tính đến ngày Tòa án xét xử anh Lưu Bá Th mới trả cho Ngân hàng được 5.000.000đ tiền nợ gốc, còn lại tiền nợ gốc 3.008.328đ và tiền lãi quá hạn anh Th chưa thanh toán. Do vậy xác định yêu cầu khởi kiện của NH là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng

án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 116, 117, 275, 280, 357, 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi năm 2017; Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Quyết định 1627 ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT.

- Buộc anh Lưu Bá Th phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT số tiền nợ gốc là **3.008.328đ** (Ba triệu không trăm linh tám ngàn ba trăm hai tám đồng) và tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 24/7/2020 là **8.480.955đ**. Tổng số tiền anh Th phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 24/7/2020 là: **11.489.283đ** (Mười một triệu bốn trăm tám mươi chín ngàn hai trăm tám ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền trên mà anh Th chậm trả tiền thì anh Th phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/7/2020 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 01/6/2010 và ngày 15/8/2016.

2. Về án phí:

Anh Lưu Bá Th phải chịu **574.464đ** (Năm trăm bảy mươi tư ngàn bốn trăm sáu mươi bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT (Sacombank) **340.000đ** (ba trăm bốn mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí (do ông Bùi Tú A nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2018/0000970 ngày 27/02/2020.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu